

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2013/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 3 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của HĐND các cấp của tỉnh Quảng Ngãi**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐND ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/03/2012 của liên Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 10/TTr-HĐND ngày 10/3/2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân các cấp) như sau:

1. Quy định chung:

a) Chế độ chi tiêu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Việc chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị quyết này.

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thuộc Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó bố trí và xây dựng trong dự toán hằng năm của đơn vị. Đối với cấp huyện, xã, định mức chi tiêu quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã quyết định cụ thể mức chi cho từng nội dung, bảo đảm không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Nghị quyết này.

2. Nội dung và mức chi: (Có phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2013, tại kỳ họp thứ 8./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toán

PHỤ LỤC**MỨC CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND CÁC CẤP CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13/3/2013 của Nghị quyết HĐND tỉnh)*

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I.	Chi cho công tác thẩm tra phục vụ kỳ họp HĐND				
1.	Chi soạn thảo các báo cáo thẩm tra:	Đồng/báo cáo	500,000	250,000	
2.	Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia thẩm tra, chỉnh lý Nghị quyết	Đồng/báo cáo	500,000	250,000	
3.	Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận cho ý kiến về Nghị quyết	Đồng/Nghị quyết	400,000	200,000	
4.	Chi cho việc xây dựng báo cáo tập hợp, tổng hợp ý kiến của đại biểu HĐND, các cơ quan tham gia góp ý về Nghị quyết	Đồng/Nghị quyết	700,000	350,000	
5.	Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết trước và sau khi thông qua	Đồng/Nghị quyết	1,500,000	750,000	350,000
II.	Đối với công tác thẩm tra khác theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, nội dung chi và mức chi áp dụng như đối với thẩm tra phục vụ kỳ họp HĐND theo quy định tại Mục I				
III.	<p>Chi lấy ý kiến tham gia Nghị quyết, dự án Luật: Đối với những Nghị quyết phức tạp, sử dụng nguồn lực lớn, ảnh hưởng đến đời sống của người dân, thì Thường trực HĐND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia Nghị quyết. Chi lấy ý kiến tham gia Nghị quyết, dự án Luật bao gồm các khoản chi cho các tổ chức, cá nhân để nghiên cứu, tham gia ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh về Nghị quyết, dự án Luật; chi tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành ở tỉnh, các chuyên gia tham gia vào Nghị quyết, dự án Luật. Mức chi như sau:</p>				

1.	Chi cho việc nghiên cứu, góp ý bằng văn bản của chuyên gia	Đồng/bài	2,000,000		
2.	Chi họp góp ý				
a)	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản	600,000		
b)	Chi các cuộc họp:				
-	Người chủ trì cuộc họp	Đồng/người /buổi	200,000		
-	Các thành viên dự họp theo danh sách họp	Đồng/người /buổi	100,000		
-	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ cuộc họp	Đồng/người /buổi	50,000		
3.	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia	Đồng/báo cáo	500,000		
IV.	Chi cho công tác giám sát, khảo sát				
1.	Chi cho đoàn giám sát, khảo sát				
a)	Chi xây dựng văn bản giám sát				
*	Đối với hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND				
-	Chi xây dựng nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát (bao gồm cả kế hoạch giám sát).	Đồng/văn bản	1,000,000	500,000	250,000
-	Chi xây dựng đề cương giám sát	Đồng/văn bản	1,600,000	800,000	400,000
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát				
+	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát theo từng đợt giám sát	Đồng/báo cáo	1,200,000		
+	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của Đoàn giám sát	Đồng/báo cáo	3,000,000	1,500,000	750,000

-	Chi xây dựng Nghị quyết về giám sát (nếu có) trên cơ sở kết quả giám sát	Đồng/nghị quyết	2,500,000	1,200,000	600,000
*	Đối với hoạt động giám sát của các Ban HĐND (định mức chi xây dựng văn bản tương ứng bằng 60% định mức chi đối với hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND nêu trên)				
-	Chi xây dựng quyết định thành lập Đoàn giám sát (bao gồm cả kế hoạch giám sát).	Đồng/văn bản	600,000	300,000	
-	Chi xây dựng đề cương giám sát	Đồng/văn bản	950,000	450,000	
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát	Đồng/báo cáo	1,800,000	900,000	
b)	Chi xây dựng văn bản khảo sát: Đối với những khảo sát phục vụ thẩm tra, mức chi xây dựng văn bản bằng 1/2 mức chi theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục này				
*	Đối với hoạt động khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND				
-	Chi xây dựng kế hoạch và đề cương khảo sát	Đồng/văn bản	1,000,000	500,000	
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Đồng/báo cáo	1,200,000	600,000	
*	Đối với hoạt động khảo sát của các Ban HĐND				
-	Chi xây dựng kế hoạch và đề cương khảo sát	Đồng/văn bản	600,000	300,000	
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Đồng/báo cáo	1,200,000	600,000	

c)	Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát, khảo sát: Trong thời gian thực hiện giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với các đoàn giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND được quy định như sau:				
-	Trưởng đoàn	Đồng/người /buổi	200,000	100,000	70,000
-	Thành viên tham gia giám sát (theo danh sách mời)	Đồng/người /buổi	100,000	70,000	50,000
-	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ đoàn	Đồng/người /buổi	50,000	40,000	30,000
2.	Chi giám sát văn bản QPPL:		Áp dụng theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND. Riêng báo cáo kết quả giám sát văn bản quy pháp luật mức chi 1.800.000 đồng/báo cáo	Áp dụng theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND. Riêng báo cáo kết quả giám sát văn bản quy pháp luật mức chi 900.000 đồng/báo cáo	
3.	Chi giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo				
a)	Chi cho việc nghiên cứu tổng hợp, báo cáo về công tác xử lý đơn thư (2 lần/năm)	Đồng/báo cáo	500,000	250,000	150,000
b)	Chi xây dựng báo cáo giám sát việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo trình Thường trực HĐND	Đồng/báo cáo	1,800,000	900,000	450,000
c)	Chi đi xác minh, thu thập thông tin	Đồng/người /buổi	80,000	40,000	20,000
4.	Chi giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri				

	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo đề xuất xử lý, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri; báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri	Đồng/báo cáo	600,000	400,000	300,000
5.	Chi cho hoạt động chất vấn				
a)	Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND: các báo cáo; kế hoạch chi tiết; văn bản điều phối; biên bản tóm tắt nội dung chất vấn, trả lời chất vấn và các văn bản khác có liên quan đến hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn	Đồng/văn bản	600,000	300,000	150,000
b)	Chi tổng hợp ý kiến chất vấn trình HĐND	Đồng/báo cáo	1,200,000	600,000	300,000
c)	Chi cho việc xây dựng nghị quyết của HĐND về chất vấn	Đồng/nghị quyết	2,500,000	1,200,000	600,000
V.	Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân				
1.	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri (hỗ trợ cho địa phương nơi đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri) nhằm trang trải chi phí cần thiết để tổ chức tiếp xúc cử tri như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác	Đồng/điểm	1,500,000	750,000	350,000

2.	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, thực hiện khoản chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:				
a)	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Đồng/người/năm	2,400,000	1,200,000	600,000
b)	Cán bộ, công chức, nhân viên tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	Đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri	500,000	250,000	150,000
3.	Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri	Đồng/báo cáo	200,000	100,000	70,000
VI.	Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo				
1.	Chi tiếp công dân tại trụ sở hoặc địa điểm tiếp công dân				
a)	Đại biểu HĐND	Đồng/người/buổi	150,000	70,000	50,000
b)	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp đại biểu HĐND tiếp dân	Đồng/người/buổi	80,000	60,000	40,000
c)	Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp đại biểu HĐND tiếp dân	Đồng/người/buổi	50,000	40,000	30,000
2.	Chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo		Thực hiện theo Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh		
VII.	Chế độ chi cho công tác xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm; chi xây dựng báo cáo trình Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND, HĐND				
1.	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND	Đồng/văn bản	1,200,000	600,000	300,000

2.	Chi xây dựng báo cáo, tờ trình (để phục vụ kỳ họp HĐND) của Đảng đoàn HĐND; báo cáo, Tờ trình của Thường trực HĐND; báo cáo định kỳ trình HĐND, Thường trực HĐND của các Ban HĐND	Đồng/báo cáo, tờ trình	1,800,000	900,000	450,000
VIII.	Chế độ công tác phí, hội nghị: Ngoài chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc họp theo quy định hiện hành của Nhà nước. Chế độ chi trong một số trường hợp được quy định như sau:				
1.	Chi kỳ họp HĐND				
a)	Người chủ trì	Đồng/người /buổi	250,000	150,000	100,000
b)	Thư ký kỳ họp	Đồng/người /buổi	200,000	100,000	70,000
c)	Đại biểu HĐND, đại biểu mời tham dự kỳ họp HĐND (theo danh sách kèm theo Giấy mời)	Đồng/người /buổi	100,000	70,000	50,000
d)	Lái xe, nhân viên lễ tân, phục vụ nước, tạp vụ...	Đồng/người /buổi	50,000	40,000	30,000
2.	Chi các cuộc họp của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND (kể cả họp thẩm tra, giám sát, khảo sát...); các cuộc họp của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND để chuẩn bị cho kỳ họp HĐND				
a)	Người chủ trì	Đồng/người /buổi	200,000	100,000	70,000
b)	Thành viên dự họp theo danh sách họp	Đồng/người /buổi	100,000	70,000	50,000
c)	Lái xe, nhân viên lễ tân phục vụ nước, tạp vụ...	Đồng/người /buổi	50,000	40,000	30,000

IX.	Chi hỗ trợ đại biểu HĐND				
1	Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh được cấp tiền may 02 bộ lễ phục; đại biểu HĐND huyện, đại biểu HĐND xã được cấp tiền may 01 bộ lễ phục	Đồng/bộ	4,000,000	3,000,000	2,000,000
2	Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hằng năm của đại biểu HĐND, riêng năm chuyên giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi này.	Đồng/người/năm	2,500,000	1,200,000	600,000
3	Chi hỗ trợ kiêm nhiệm các chức danh Thường trực, Trưởng, Phó trưởng các Ban của HĐND	Đồng/người/tháng	10% mức lương hiện hưởng (kể cả phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung)	20% mức lương hiện hưởng (kể cả phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung)	
4	Chi hỗ trợ tổ trưởng tổ đại biểu	Đồng/người/quý	300,000	200,000	100,000
5	Chi sinh hoạt tổ đại biểu (02 lần/năm)	Đồng/lần	500,000	300,000	200,000
X.	Chế độ chi khác				
1.	Chế độ chi đối với chuyên gia để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Đồng/bài	2,000,000		

2.	<p>Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội nhân dịp lễ, tết, gồm: các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; gia đình, cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an...khi đoàn của Hội đồng nhân dân tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà, mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi được quy định cụ thể như sau:</p>				
a)	Đối với tập thể	Đồng/lần	3,000,000	1,000,000	500,000
b)	Đối với cá nhân	Đồng/lần	600,000	300,000	200,000
3.	<p>Chế độ chi may lễ phục, trang phục: Mỗi nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND) được cấp tiền may 01 bộ trang phục, lễ phục</p>	Đồng/bộ	4,000,000		
4.	Chế độ tặng quà lưu niệm				
a)	<p>Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, Văn phòng HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND) được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND</p>	Đồng/người	2,000,000	1,000,000	500,000
b)	<p>Đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, Văn phòng HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND) khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm</p>	Đồng/người	1,000,000	500,000	300,000

5.	Chế độ thăm hỏi, trợ cấp				
a)	Đối với đại biểu HĐND				
-	Đại biểu HĐND khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi	Đồng/người /lần	1,000,000	500,000	250,000
	Trường hợp đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo thì được chi trợ cấp (không quá 2 lần/người/năm)	Đồng/người /lần	4,000,000	2,000,000	1,000,000
-	Chi thăm hỏi, trợ cấp cán bộ lão thành cách mạng; lãnh đạo (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); lãnh đạo Thường trực và các Ban của HĐND qua các thời kỳ	Đồng/người /lần	1,000,000	500,000	250,000
-	Chi thăm viếng đại biểu HĐND; các vị nguyên là đại biểu HĐND; cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của đại biểu HĐND khi từ trần	Đồng	1,000,000	500,000	250,000
b)	Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, Văn phòng HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND)				
-	Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu	Đồng/người /lần	1,000,000	500,000	250,000
	Riêng trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn ...thì được trợ cấp	Đồng/người /lần	4,000,000	2,000,000	1,000,000